

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1
KHOA DƯỢC

DANH MỤC VẮC XIN CỦA BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1 NĂM 2025

(Cập nhật ngày 19/08/2025)

STT	MÃ VẮC XIN	TÊN VẮC XIN	LOẠI VẮC XIN	GIÁ (VND)	GHI CHÚ
1	ADA006	Adacel	Vắc xin phối hợp phòng Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván	525.000	
2	BOO001	Bootrix	Uốn ván- Bạch hầu- Ho gà	598.000	
3	AVA001	Avaxim	Viêm gan siêu vi A	436.328	
4	GEN027	Gene-HBVAX	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B	56.070	
5	GAR004	Gardasil 9	Bệnh do HPV - 9 chủng	2.572.500	
6	HEX012	Hexaxim	Viêm màng não mô do HiB- Bạch hầu- Ho gà- Uốn ván- Bại liệt- Viêm gan siêu vi B	865.200	
7	INF001	Infanrix Hexa	Viêm màng não mô do HiB- Bạch hầu- Ho gà- Uốn ván- Bại liệt- Viêm gan siêu vi B	864.000	
8	INF009	Influvac tetra	Vắc xin phòng Cúm mùa (dành cho người lớn và trẻ em trên 6 tháng tuổi)	264.000	
9	IMO001	Imojev	Vắc xin phòng Viêm não Nhật Bản	632.016	
10	MEN002	Menactra	Vắc xin phòng Não mô cầu (nhóm A; nhóm C; nhóm Y; nhóm W-135)	1.102.000	
11	VA0001	VA-MENGOC-BC	Vắc xin phòng Não mô cầu (nhóm B; nhóm C)	175.392	
12	PRE012	Prevenar 13	Vắc xin ngừa phế cầu (13 chủng)	1.077.300	
13	PRE020	Prevenar 20	Vắc xin phòng bệnh viêm phổi và nhiễm khuẩn toàn thân do phế cầu Streptococcus (20 chủng)	1.400.490	
14	PNE001	Pneumovax 23	Vắc xin ngừa phế cầu (23 chủng)	820.768	
15	ROT002	Rotarix	Vắc xin ngừa Viêm dạ dày- ruột do Rota virus	700.719	
16	ROT003	Rotateq	Vắc xin ngừa Viêm dạ dày- ruột do Rota virus	535.320	
17	MMR003	MMR II	Vắc xin ngừa Sởi- Quai bị- Rubella	217.256	
18	PRI019	Priorix	Vắc xin ngừa Sởi- Quai bị- Rubella	270.000	
19	VAR007	Varivax	Vắc xin ngừa Bệnh Thủy đậu	872.195	
20	VAR001	Varilrix	Vắc xin ngừa Bệnh Thủy đậu	764.000	
21	TYP001	Typhim	Vắc xin phòng Thương hàn	166.075	
22	QDE001	Qdenga	Vắc xin ngừa Sốt xuất huyết Dengue (Từ 4 tuổi trở lên)	960.336	
23	SHI007	Shingrix	Vắc xin ngừa Herpes Zoster	3.395.385	

Tổng cộng: 23 khoản